

Bản án số: 629/2018/DS-ST
Ngày 20 tháng 11 năm 2018
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Kim Em;

2/ Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên

Ngày 20/11/2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 244/2016/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 329/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà CTM, sinh năm 1964; Địa chỉ: XX đường N, Phường M, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: XX Chung cư A, phường K, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của bà M: ông NMH, sinh năm 1961; địa chỉ: XX Chung cư C đường H, Phường M, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền số công chứng: 77XX quyền số: 08XX/CC-SCC/HĐGD ngày 04/8/2016 do Văn phòng Công chứng Số 1 lập) (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà PTHT, sinh năm 1987; Địa chỉ XX tổ D, khu phố E, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà LTT, sinh năm 1945 (Vắng mặt)

3.2. Ông NVB, sinh năm 1944; Cùng địa chỉ: XX đường Đ, Phường M, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2016, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông NMH trình bày

Ngày 22/5/2014 bà M cho bà T mượn 200.000.000 đồng, không lãi suất. Hạn vay đến ngày 22/8/2014. Để bảo đảm việc trả nợ bà T có thể chấp cho bà M Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 8692XX số vào sổ cấp GCN:CH 003XX ngày 23/7/2012 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp cho ông NVB bà LTT.

Ngày 15/9/2014 bà M tiếp tục cho bà T mượn 180.000.000 đồng, không lãi suất. Bà M đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng bà T không trả

Tại phiên tòa ông yêu cầu bà T trả tiền gốc 380.000.000 đồng làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

* Tòa án đã nhiều lần thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn: bà PTHT và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà LTT, ông NVB không đến tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định; Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ngoài ra bị đơn còn phải chịu tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thẩm quyền:

Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn căn cứ giấy mượn tiền ngày 22/5/2014 và giấy nhận tiền ngày 15/9/2014 khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân Quận 7, do nguyên đơn chỉ yêu cầu trả lại tiền gốc, không tính lãi nên đây là tranh chấp “Đòi lại tài sản”, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo

khoản 3 Điều 26, khoản 1, khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn: bà PTHT và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà LTT, ông NVB, tuy nhiên các đương sự không đến Tòa án. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và “Giấy mượn tiền” ngày 22/5/2014 và “Giấy nhận tiền” ngày 15/9/2014, nguyên đơn xác định bà T có mượn bà tổng số tiền gốc 380.000.000 đồng. Tại tòa nguyên đơn xác định chỉ cho cá nhân bà T vay do đó bà T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà M số tiền 380.000.000 đồng theo quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005.

Bà T, bà LTT, ông B không đến Tòa và không cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án nên phải chịu trách nhiệm theo quy định khoản 5 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Xét thời gian trả: Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

Trong trường hợp bà T chậm thi hành khoản tiền trên thì bà T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] Xét việc nguyên đơn nhận thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 8692XX số vào sổ cấp GCN:CH 003XX ngày 23/7/2012 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp cho ông NVB bà LTT để bảo đảm việc trả nợ cho bà T:

Xét “Giấy mượn tiền” ngày 22/5/2014 có ghi: “...Tài sản thế chấp để mượn: một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 8692XX cấp ngày 23/7/2013 (ghi sai) thửa đất số 48XX, tờ bản đồ số XX có diện tích 100m² tại ấp F, xã G, Cần Giuộc, Long An”. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác nhận bà M đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 8692XX số vào sổ cấp GCN:CH 003XX ngày 23/7/2012 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp cho ông NVB bà LTT. Bà M không biết bà LTT, ông B là ai. Bà M không có yêu cầu đối với ông B, bà LTT về khoản tiền cho bà T mượn vì bà M không giao dịch với ông B, bà LTT.

Hội đồng xét xử xét thấy việc bà T đại diện bà LTT, ông NVB (theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 000038XX ngày 05/05/2014) thế chấp cho bà M Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 8692XX số vào sổ cấp GCN:CH 003XX ngày 23/7/2012 do Ủy ban

nhân dân huyện Cần Giuộc cấp cho ông NVB, bà LTT để bảo đảm việc trả tiền nhưng bên thế chấp và bên nhận thế chấp đều không thực hiện đúng quy định tại Điều 9, Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 10 Luật Đất nhà ở 2014; Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính Phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm vì vậy khi bà T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hoặc trả tiền không đủ thì nguyên đơn không được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

Sau khi đã nhận đủ tiền bị đơn trả, nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bị đơn.

[5] Nguyên đơn có xuất trình Hợp đồng ủy quyền số 00005164 quyền số: 02XX/CC-SCC/HĐGD ngày 05/6/2014 do Văn phòng Công chứng I lập do bà PTHT ủy quyền cho bà CTM: “được toàn quyền thay mặt và nhân danh bên A quản lý, sử dụng, cho thuê, cho mượn, thanh lý, hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho thuê, cho mượn, thế chấp, góp vốn, bảo lãnh (kể cả ký kết các hợp đồng tín dụng), đặt cọc, chuyển nhượng, tặng cho...” Đây là một giao dịch khác, căn cứ Khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Các bên đương sự có quyền khởi kiện ở hồ sơ khác khi có yêu cầu.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bà T có nghĩa vụ trả tiền nên bà T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự có giá ngạch trên số tiền phải trả theo quy định tại Pháp lệnh án phí, lệ phí.

Bà M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1, khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.
- Căn cứ Điều 256 Bộ Luật Dân Sự năm 2005;
- Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ Luật Dân Sự năm 2015;
- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử: Buộc bà PTHT có nghĩa vụ trả cho bà CTM số tiền 380.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu đồng), trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bà PTHT chậm thi hành khoản tiền trên thì bà T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngay sau khi nhận đủ tiền bà CTM có nghĩa vụ hoàn trả cho bà PTHT bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 8692XX số vào sổ cấp GCN: CH 003XX ngày 23/7/2012 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp cho ông NVB bà LTT.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà PTHT phải chịu 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng).

Bà CTM không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại bà M 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2012/071XX ngày 01/11/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Q7;
- Chi cục Thi hành án DS Q7;
- Mỗi đương sự;
- Lưu;
- Hồ sơ (Thư ký Phương Thúy).

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Thảo